TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST Ngày 16 tháng 9 năm 2021 V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán:* Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Việt Giang.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đặng Thị Hương Huyền.
2. Ông Nguyễn Ngọc Tâm.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:* Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị H, sinh năm 1992. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1988. (Có mặt)

Đều địa chỉ: Khu 5, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lời khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H và anh Nguyễn Đức M có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/9/2013 tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình bố mẹ chồng tại khu 5, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do anh M hay uống rượu say rồi về chửi bới chị. Đầu tháng 6/2021, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Chu Thị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 16/10/2014 và cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 01/02/2017. Hiện nay cháu A và cháu B đang ở cùng anh M. Nếu ly hôn, chị H đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hiện nay chị H đang ở cùng bố mẹ đẻ ở thôn Hợp Hòa, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị đang làm giáo viên trường mầm non H ở xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, thu nhập bình quân 2.500.000đ/tháng. Ngoài ra chị còn làm công nhân theo hợp đồng cho Công ty TNHH L, thu nhập bình quân từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung; Về công nợ chung; Về công sức đóng góp: Chị Chu Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai hay cho ai vay nợ gì, cũng không đóng góp công sức gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đức M trình bày:

Anh Nguyễn Đức M xác nhận thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn đúng như chị H trình bày. Về quá trình chung sống thì anh M cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh đi làm sáng đi tối về, có hay uống rượu bia thì chị H có thái độ không thích, ngoài ra thì chị H có mâu thuẫn với mẹ chồng và có nói chuyện với anh nhưng hai vợ chồng bất đồng quan điểm nên vẫn chưa giải quyết vấn đề được ổn thỏa. Khoảng tháng 6/2021 thì chị H có xin phép bố mẹ đưa các con về nhà ngoại chơi sau đó thì chị H không về ở cùng với anh nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức M xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 16/10/2014 và cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 01/02/2017. Hiện nay cháu A và cháu B đang ở cùng anh M. Nếu ly hôn, anh M đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Thu nhập bình quân của anh M từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung; Về công nợ chung; Về công sức đóng góp: Anh Nguyễn Đức M xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai hay cho ai vay nợ gì, cũng không đóng góp công sức gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện

Lâm Thao:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị H. Xử cho chị Chu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức M.

Về con chung: Giao cho chị Chu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 16/10/2014 đến khi cháu A thành niên. Giao cho anh Nguyễn Đức M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 01/02/2017 đến khi cháu B thành niên. Chị H và anh M không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Chị Chu Thị H và anh Nguyễn Đức M đều xác đinh vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai hay cho ai vay nợ gì, không đóng góp công sức gì nên không đề nghị xem xét giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Chu Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Đức M, nơi cư trú: Khu 5, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H kết hôn với anh Nguyễn Đức M có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 18/9/2013 tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Chị H cho rằng từ khoảng năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M hay uống rượu say rồi về chửi bới chị. Đầu tháng 6/2021, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn. Phía anh M cũng thừa nhận trong

quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ, anh đi làm về có hay uống rượu bia thì chị H có thái độ không thích, ngoài ra thì chị H có mâu thuẫn với mẹ chồng và có nói chuyện với anh nhưng hai vợ chồng bất đồng quan điểm nên chưa giải quyết được. Khoảng tháng 6/2021 chị H đưa các con về nhà ngoại chơi sau đó chị H không về nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh trưởng khu hành chính nơi chị H và anh M sinh sống thì được trưởng khu 5 cho biết anh M và chị H không báo cáo nên địa phương không nắm được. Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Bình (mẹ đẻ của anh M) thì bà Bình cho biết vợ chồng chị H và anh M không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ thấy anh M mỗi lần uống rượu say về thì chị H có thái độ không vui, khoảng tháng 5/2021 thì chị H đưa các con về ở cùng bố mẹ đẻ ở xã S, tỉnh Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh M có sảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân 1 thời gian, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, anh M muốn hòa giải về đòan tụ nhưng từ khi chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống anh M không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tình trạng hôn nhân của chị H và anh M đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Chu Thị H và anh Nguyễn Đức M đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 16/10/2014 và cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 01/02/2017. Khi ly hôn, chị H đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng. Hiện nay Chị H đang làm giáo viên trường mầm non xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, thu nhập bình quân 2.500.000đ/tháng. Ngoài ra chị còn làm công nhân theo hợp đồng cho Công ty TNHH L, thu nhập bình quân từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng. Quan điểm anh M cũng xin được nuôi cả hai cháu và anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, thu nhập bình quân của anh M từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ/tháng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ xã X có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em. Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh M đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các cháu, vì vậy cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 16/10/2014 và giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 01/02/2017 là phù hợp.

Chị H và anh M không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

[4] Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Chị Chu Thị H và anh Nguyễn Đức M đều xác đinh vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai hay cho ai vay nợ gì, cũng không đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thoe qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị H. Xử cho chị Chu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức M.

[2] Về con chung: Giao cho chị Chu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 16/10/2014 đến khi cháu A thành niên. Giao cho anh Nguyễn Đức M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 01/02/2017 đến khi cháu B thành niên. Chị H và anh M không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Chị Chu Thị H và anh Nguyễn Đức M đều không đề nghị tòa án xem xét giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Chu Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2020/0001311 ngày 23/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[5] Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi

hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Cơ quan THADS huyện;
- UBND xã X;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Việt Giang